

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 26-4-2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Huỳnh Minh Trí.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh
2. Ông Đặng Minh Lý

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Lưu Kim Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử công khai vụ án thụ lý số: 299/2021/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

+ **Nguyên đơn:** Bà Trần Nguyễn Bảo K, sinh năm 1981; trú tại: Số 159/16, tổ 11, khu phố 6, đường 30/4 phường H, thành phố M, tỉnh Bình Dương, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

+ **Bị đơn:** Ông Huỳnh Việt Q, sinh năm 1972; trú tại: Số 159/16, tổ 11, khu phố 6, đường 30/4 phường H, thành phố M, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 11 năm 2021, nguyên đơn – bà Trần Nguyễn Bảo K trình bày:*

Bà K và ông Huỳnh Việt Q chung sống vợ chồng với nhau từ năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 03 ngày 05/01/2009

Con chung: Có 02 người con chung tên Huỳnh Trần Bảo K, sinh ngày 09/4/2010 và Huỳnh Việt Q, sinh ngày 07/11/2012.

Quá trình chung sống không hạnh phúc vì ông Q là người gia trưởng. Ông Q xem thường bà K từ mọi lời nói, ý kiến. Ông Q dùng những lời lẽ miệt thị thô tục và đôi khi còn dùng vũ lực đối với bà K làm bà K tổn thương tinh thần và thể xác sâu sắc.

Mặt khác về công việc ông Q luôn trút mọi bức tức, khó khăn trong công việc của mình lên gia đình. Rất nhiều lần các đối tác làm ăn, nhân viên, khách hàng của ông Q điện thoại liên lạc bà K đe dọa khiến mẹ con bà K sống trong nỗi bất an.

Trước mặt con cái ông Q còn chửi bà K là “đồ ăn bám”. Hiện nay bà K đang mắc bệnh hiểm nghèo, bản thân cần tịnh dưỡng tinh thần nhưng cuộc sống hôn nhân làm cho bà K cảm thấy mệt mỏi, chán nản và bế tắc.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng hàn gắn nên bà K khởi kiện yêu cầu như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Huỳnh Việt Q.

Về con chung: Sau khi ly hôn bà K yêu cầu được nuôi 02 con chung là cháu Huỳnh Trần Bảo K, sinh ngày 09/4/2010 và cháu Huỳnh Việt Q, sinh ngày 07/11/2012.

Về cấp dưỡng: Yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con 15.000.000 đồng/tháng/02 con cho đến khi con chung đủ 18 tuổi .

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các con chung hiện nay đang sống cùng bà K và ông Q tại địa chỉ số 159/16, tổ 11, khu phố 6, đường 30/4 phường H, thành phố M, tỉnh Bình Dương, các con sức khỏe tốt và đi học bình thường. Nguyên vọng của cháu K và cháu Q là sống cùng với bà K nếu cha mẹ không còn sống chung với nhau.

Ngày 18/3/2022 nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Quá trình tố tụng, bị đơn đều vắng mặt.

Vị đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về xét xử sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đối với việc xét xử nhưng vắng mặt không rõ lý do, không đến tham gia phiên tòa xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử như sau: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn” của nguyên đơn về việc ly hôn.

Về con chung: Giao 02 con chung cho bà K nuôi dưỡng. Buộc ông Q cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng/tháng/02 con

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không giải quyết
Những yêu cầu, kiến nghị đề khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ pháp luật: Bà Trần Nguyễn Bảo K khởi kiện yêu cầu Tòa án giải

quyết ly hôn với ông Huỳnh Việt Q và yêu cầu giao con chung cho bà K nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn – ông Huỳnh Việt Q có nơi cư trú tại thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương vì vậy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương là Tòa án có thẩm quyền giải quyết.

[3] Về việc xét xử vắng mặt: Nguyên đơn bà Trần Nguyễn Bảo K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn – ông Huỳnh Việt Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không rõ lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[4] Về nội dung: Bà Trần Nguyễn Bảo K và ông Huỳnh Việt Q sống chung vợ chồng với nhau từ năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 03 ngày 05/01/2009. Do đó, theo pháp luật quy định thì quan hệ hôn nhân giữa bà K và ông Q là hôn nhân hợp pháp.

Bà Khanh xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn với ông Q. Quá trình tố tụng ông Q đều vắng mặt. Tuy nhiên, qua việc lấy lời khai con chung là cháu Huỳnh Trần Bảo K và cháu Huỳnh Việt Q cũng xác định ông Q và bà K có mâu thuẫn với nhau. Mặt khác từ khi Tòa án thụ lý vụ án đã thông báo và triệu tập ông Q đến Tòa án để làm việc nhưng ông Q không đến điều đó chứng tỏ ông Q bỏ mặc, không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy: Quan hệ hôn nhân tồn tại bền vững dựa trên tình cảm của vợ chồng, sống có trách nhiệm, thương yêu, chăm sóc, quan tâm lẫn nhau. Vợ chồng bà K và ông Q vì không còn tình cảm với nhau nên không ai quan tâm đến ai, mạnh ai nấy sống nên chứng tỏ tình trạng hôn nhân của bà K và ông Q không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc. Do vậy việc bà K yêu cầu ly hôn của bà đối với ông Q là có căn cứ chấp nhận.

Về con chung: Bà K yêu cầu sau khi ly hôn bà K được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung. Căn cứ chứng cứ là bản sao kê tài khoản thu nhập thể hiện bà K là nhân viên của Cục thuế tỉnh Bình Dương. Mức lương trung bình hàng tháng của bà K khoảng 9.000.000 đồng/tháng. Nên xác định là bà K có công việc ổn định và có thu nhập. Bà K yêu cầu được nuôi 02 con chung và các con cũng có nguyện vọng sống cùng với bà K nên giao 02 con chung cho bà K dưỡng là đảm bảo quyền lợi của con và phù hợp nguyện vọng của con.

Ông Q làm nghề lái xe, tính chất công việc phải vắng nhà thường xuyên nên không thể có thời gian chăm sóc con nên không giao con chung cho ông Q nuôi dưỡng. Bà K không có chứng cứ chứng minh thu nhập của ông Q để Tòa án xem xét mức cấp dưỡng nên Tòa án căn cứ vào chi phí trung bình nuôi dưỡng 01 đứa con trên thực tế để xem xét mức cấp dưỡng mà ông Q phải thực hiện là 5.000.000 đồng/tháng/02 con

Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Khoản 3 Điều 228, Điều 244, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điểm b mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 của Quốc hội ngày 09/6/2000, về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình;

- Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Trần Nguyễn Bảo K đối với bị đơn – ông Huỳnh Việt Q về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Nguyễn Bảo K được ly hôn với ông Huỳnh Việt Q

- Về con chung: Giao con chung tên Huỳnh Trần Bảo K, sinh ngày 09/4/2010 và cháu Huỳnh Việt Q, sinh ngày 07/11/2012 cho bà Trần Nguyễn Bảo K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng: Ông Q cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 (năm triệu) đồng/tháng/02 con. Thời gian cấp dưỡng kể từ khi án có hiệu lực pháp luật

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Không chấp nhận yêu cầu mức cấp dưỡng của bà K 10.000.000 đồng/tháng/02 con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000597 ngày 15/11/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương. Bị đơn phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi

hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố M;
- Chi cục THADS thành phố M;
- UBND phường H, TP M, tỉnh Bình Dương;
- Chánh án (để báo cáo);
- Bị cáo;
- Lưu: HS, THAHS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Huỳnh Minh Trí